

Bản án: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 01 năm 2022
V/v “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Hạnh
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh, kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 1982, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Qu, huyện L, tỉnh V;

2. *Bị đơn:* anh Đỗ Ngọc H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tr, xã Qu, huyện L, tỉnh V. Hiện trú tại: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim O trình bày: chị kết hôn với anh Đỗ Ngọc H ngày 22/11/2010. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Qu, huyện L. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chị vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống đến năm 2014 thì vợ chồng về thôn Tr, xã Qu, huyện L, tỉnh V. Trong thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H chơi bời cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến gia đình, anh H không chịu làm ăn kinh tế nên nợ nần khắp nơi, cuộc sống vợ chồng khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2016 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đỗ Ngọc H, sinh ngày 20/12/2011, hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 14/11/2021 anh trình bày: Anh xác định anh và chị O kết hôn năm 2010. Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm ăn sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2013 anh về quê chị O làm ăn. Năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân và anh về quê ở Quảng Ngãi, đến năm 2019 sống và làm việc tại Bình Dương. Nay chị O xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị O trình bày. Anh H đồng ý để chị O nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O. Về tài sản chung, vợ chồng anh không tranh chấp, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, cho chị O được ly hôn anh H. Giao cho chị O được nuôi dưỡng con chung. Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim O có yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã Qu, huyện L, tỉnh V. Hiện anh H đang tạm trú tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B, anh H có đơn lựa chọn Toàn án huyện L, tỉnh V giải quyết. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị O đều có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị O và anh H là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Qu, huyện L, tỉnh V. Theo chị O, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H chơi bời cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến gia đình, anh H không chịu làm ăn kinh tế nên nợ nần khắp nơi, cuộc sống vợ chồng khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Anh H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Xét đề nghị của chị O, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay chị O xin ly hôn, anh H cũng đồng ý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị O là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị O, anh H xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đỗ Ngọc H, sinh ngày 20/12/2011. Hiện cháu H đang ở cùng chị O. Xét đề nghị của chị O xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng đồng ý để chị O nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị O, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim O. Cho chị Lê Thị Kim O được ly hôn anh Đỗ Ngọc H.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Đỗ Ngọc H, sinh ngày 20/12/2011 (hiện các cháu đang ở cùng chị O). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O. Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim O phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006012 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị O đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã Qu;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.